

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá đất ở cụ thể (tái định cư và theo thị trường)
để tính tiền sử dụng đất tại các Khu tái định cư phục vụ dự án
Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới,
phường Nhơn Bình và phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc xác định giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 87/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 và Quyết định số 4213/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, hỗ trợ do GPMB thực hiện dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới thuộc địa bàn phường Nhơn Phú và phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 06/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 250/TTr-STNMT ngày 20/03/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá đất ở cụ thể (*tái định cư và theo thị trường*) để tính tiền sử dụng đất tại các Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình và phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, cụ thể như sau:

1. Giá đất ở cụ thể tái định cư để thu tiền sử dụng đất tái định cư

a. Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với mặt đường ĐT.639 (lộ giới 48m): giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư đề nghị phê duyệt là 25.000.000đồng/m²

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường Đ7 (lộ giới 18m): giá đất ở cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư đề nghị phê duyệt là 8.500.000đồng/m²;

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường Đ9 (lộ giới 14m): giá đất ở cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư đề nghị phê duyệt là 8.000.000đồng/m²;

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường Đ1(A-A) (lộ giới 15,5m), đường Đ1(B-B), đường Đ8 (lộ giới 14 mét): giá đất ở cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư đề nghị phê duyệt là 7.500.000đồng/m²;

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường Đ2 (lộ giới 14m): giá đất ở cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư đề nghị phê duyệt là 6.500.000đồng/m².

b. Khu dân cư Phía Đông chợ Dinh, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường ĐS3 (lộ giới 18m): giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư là 18.000.000đồng/m²

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường ĐS8 (lộ giới 14m): giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư là 11.000.000đồng/m²

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường ĐS9 (lộ giới 13m): giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư là 10.000.000đồng/m².

c. Khu dân cư Phía Tây đường Trần Nhân Tông, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường ĐS4 (lộ giới 30m): giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư là 10.000.000đồng/m²

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường ĐS5 (lộ giới 20m): giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư là 8.000.000đồng/m²

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường ĐS7 (lộ giới 16m): giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư là 7.000.000đồng/m².

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường ĐS2, ĐS3 và ĐS6 (lộ giới 12m): giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở tái định cư là 5.500.000đồng/m².

2. Giá đất ở cụ thể (theo thị trường) để thu tiền sử dụng đất

a. Khu dân cư phía Đông Chùa Bình An, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với mặt đường ĐT.639 (lộ giới 48m): giá đất cụ thể theo thị trường để thu tiền sử dụng đất là 33.000.000đồng/m²

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường Đ7 (lộ giới 18m): giá đất cụ thể theo thị trường để thu tiền sử dụng đất là 11.500.000đồng/m²

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường Đ9 (lộ giới 14m): giá đất cụ thể theo thị trường để thu tiền sử dụng đất là 11.000.000đồng/m²

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường Đ1(A-A) (lộ giới 15,5m), đường Đ1(B-B), đường Đ8 (lộ giới 14 mét): giá đất cụ thể theo thị trường để thu tiền sử dụng đất là 10.000.000đồng/m²

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường Đ2 (lộ giới 14m): giá đất cụ thể theo thị trường để thu tiền sử dụng đất là 9.000.000đồng/m²

b. Khu dân cư Phía Đông chợ Dinh, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường ĐS3 (lộ giới 18m): giá đất cụ thể theo thị trường để thu tiền sử dụng đất là 24.000.000đồng/m²

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường ĐS8 (lộ giới 14m): giá đất cụ thể theo thị trường để thu tiền sử dụng đất là 15.000.000đồng/m²

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường ĐS9 (lộ giới 13m): giá đất cụ thể theo thị trường để thu tiền sử dụng đất là 14.000.000đồng/m².

c. Khu dân cư Phía Tây đường Trần Nhân Tông, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường ĐS4 (lộ giới 30m): giá đất cụ thể theo thị trường để thu tiền sử dụng đất là 18.000.000đồng/m²

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường ĐS5 (lộ giới 20m): giá đất cụ thể theo thị trường để thu tiền sử dụng đất là 16.000.000đồng/m²

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường ĐS7 (lộ giới 16m): giá đất cụ thể theo thị trường để thu tiền sử dụng đất là 14.000.000đồng/m².

- Đối với các lô đất ở tiếp giáp với đường ĐS2, ĐS3 và ĐS6 (lộ giới 12m): giá đất cụ thể theo thị trường để thu tiền sử dụng đất là 12.000.000đồng/m².

3. Đối với các lô đất góc thuộc các tuyến đường tại các Khu dân cư nêu trên: Áp dụng mức giá đất của đường phố có mức giá cao hơn và nhân hệ số 1,2.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K16, K19.(M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

**GIÁ ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ VÀ GIÁ ĐẤT Ở THỊ TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAO ĐẤT VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI CÁC
HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG GPMB DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN ĐOẠN TỪ QUỐC LỘ 1D ĐẾN QUỐC LỘ 19 MỚI,
THUỘC ĐỊA BÀN PHƯỜNG NHƠN BÌNH VÀ PHƯỜNG NHƠN PHÚ, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Công trình, dự án	Khu đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Giá đất ở cụ thể và giá đất thị trường phê duyệt		Ghi chú
					Giá đất ở cụ thể (đồng/m ²)	Giá đất ở thị trường (đồng/m ²)	
I	Khu dân cư phía Đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình						
1	Từ lô số 9 đến lô số 29	N	ĐT.639	48	25.000.000	33.000.000	
2	Từ lô số 8 đến lô số 13	O					
3	Từ lô số 30 đến lô số 37	N	Đ7	18	8.500.000	11.500.000	
4	Từ lô số 1 đến lô số 8	N	Đ9	14	8.000.000	11.000.000	
5	Từ lô số 15 đến lô số 20	E					
6	Từ lô số 1 đến lô số 6	E	Đ8	14	7.500.000	10.000.000	
7	Từ lô số 38 đến lô số 58	N	Đ1 (B-B)	15,5			
8	Từ lô số 11 đến lô số 14	E					
9	Từ lô số 1 đến lô số 7	O	Đ1(A-A)	14			
10	Từ lô số 7 đến lô số 10	E	Đ2	14	6.500.000	9.000.000	
II	Khu dân cư phía Đông chợ Dinh, phường Nhơn Bình						
1	Từ lô số 12 đến lô số 19	A8	ĐS3	18	18.000.000	24.000.000	
2	Từ lô số 20 đến lô số 30	A8	ĐS8	14	11.000.000	15.000.000	
3	Từ lô số 1 đến lô số 11	A8	ĐS9	13	10.000.000	14.000.000	

TT	Công trình, dự án	Khu đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Giá đất ở cụ thể và giá đất thị trường phê duyệt		Ghi chú
					Giá đất ở cụ thể (đồng/m ²)	Giá đất ở thị trường (đồng/m ²)	
III	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn						
1	Từ lô số 46 đến lô số 48	LK2	ĐS4	30	10.000.000	18.000.000	
2	Từ lô số 52 đến lô số 55						
3	Từ lô số 26 đến lô số 30	LK1	ĐS5	20	8.000.000	16.000.000	
4	Từ lô số 2 đến lô số 8	LK4	ĐS7	16	7.000.000	14.000.000	
5	Từ lô số 13 đến lô số 15	LK3					
6	Từ lô số 18 đến lô số 21	LK4	ĐS2	12	5.500.000	12.000.000	
7	Từ lô số 13 đến lô số 15	LK3					
8	Từ lô số 2 đến lô số 5	LK2	ĐS3				
9	Từ lô số 9 đến lô số 11						
10	Từ lô số 6 đến lô số 23	LK1	ĐS6				
Đối với các lô đất góc thuộc các tuyến đường tại Khu tái định cư nêu trên thì áp dụng mức giá của đường phố có mức giá cao hơn và nhân thêm hệ số 1,2.							